

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA ĐÀN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2022/DS – ST**

Ngày 29/6/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng
và sử dụng thẻ tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lương Anh Xuân.**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Quốc Tú.**

Bà Nguyễn Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2021/TLST – DS ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐST - DS ngày 29 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022/QĐ-TA ngày 31 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần TV.

Địa chỉ: số 89, Láng H, phường Láng H, quận Đống Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô C.....– Chức vụ; Chủ tịch Hội đồng quản trị ngân hàng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp lý. (Theo văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/07/2020).

Người được ủy quyền lại: ông Nguyễn Xuân Th và ông Nguyễn Minh Ch - Chức vụ: chuyên viên xử lý nợ KHCN MB 01 (Theo văn bản ủy quyền số 14/2021/UQ-VPB ngày 12/01/2021). Vắng mặt.

Người được uỷ quyền lại: ông Đặng Văn Nh và ông Lê Đình T - Chức vụ: chuyên viên xử lý nợ KHCN MB 01 (Theo văn bản uỷ quyền số 1046/2022/UQ-LCC-KHCN-PUN ngày 03/06/2022). có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị L – sinh năm 1984. (vắng mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: xóm Quán M, xã Nghĩa Th, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/9/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 20/5/2017 chị Trần Thị L và Ngân hàng thương mại cổ TV – Chi nhánh Nghệ An ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử (bao gồm giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử và bản điều khoản và điều kiện về sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của chị L, ngày 29/5/2017 ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 10.000.000 đồng theo hợp đồng số 324-P-1368090, mục đích tiêu dùng thời hạn 12 tháng, lãi suất trong hạn 29,88%, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn, lãi suất chậm trả lãi bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi, tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Sau khi được cấp thẻ tín dụng chị L đã chấp hành tốt quy định của ngân hàng về thực hiện giao dịch vay trong thẻ tín dụng nên chị L và Ngân hàng đã thỏa thuận tăng hạn mức thẻ tín dụng lên 21.627.093 đồng vào ngày 25/9/2017, tăng hạn mức thẻ tín dụng lên 34.000.000 đồng vào ngày 21/12/2017, tăng hạn mức lên 47.000.000 đồng vào ngày 19/3/2018, tăng lên 61.000.000 đồng vào ngày 21/6/2018, tăng lên 76.000.000 đồng vào ngày 18/9/2018 và tăng hạn mức lên 100.000.000 đồng vào ngày 18/12/2018. Sau khi tăng hạn mức thẻ tín dụng lên 100.000.000 đồng thì chị L thực hiện các giao dịch trong suốt quá trình vay đến khi vi phạm hợp đồng với số tiền trong hạn mức đã rút là 99.076.062 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng chị L vẫn không có thiện chí trả nợ. Do chị L vi phạm nghĩa vụ thanh toán (điều 2 của bản điều khoản và điều kiện về sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử), ngày 17/10/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 3 của bản điều khoản và điều kiện về sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử). Tính đến ngày 29/6/2022 chị L còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Tiền gốc: 99.076.062 đồng. Lãi quá hạn: 218.364.686 đồng. Tổng cộng 317.440.748 đồng.

Đồng thời, vào ngày 17/01/2019 Ngân hàng thương mại cổ phần TV – Chi nhánh Nghệ An cùng bà Trần Thị L đã ký kết Hợp đồng cho vay số

LN1901141194345, theo đó bà Trần Thị L vay của Ngân hàng TMCP TV – Chi nhánh Nghệ An số tiền 145.000.000 đồng với mục đích vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm vay là 8,5%/năm được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn, lãi suất chậm trả lãi bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi, tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Bên vay phải trả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày mùng 10 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc và lãi đầu tiên vào ngày 10/02/2019.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là: 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA số khung 51M5HC101741, số máy L4LAGP134026, biển kiểm soát 37A-363.3., giấy đăng ký mang tên Trần Thị L ở xóm Quán M, xã Nghĩa T, Huyện Nghĩa Đàn; Theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1901141194345 ngày 17/01/2019 và được công chứng số 277, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/01/2019 tại Văn phòng công chứng Thành An, số 55 Lý Thường Kiệt, phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng chị Trần Thị L đã thanh toán cho Ngân hàng như đã cam kết trong hợp đồng và đến ngày 18/10/2019 đã trả được 27.230.192 đồng tiền gốc và 9.385.526 đồng tiền lãi, sau đó bà L không trả được nợ cho ngân hàng như đã cam kết trong hợp đồng dẫn đến vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết trong hợp đồng, tính đến ngày 29/6/2022 chị L còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 117.769.808 đồng và tiền lãi là 56.183.830 đồng, phạt chậm trả 8.376.344 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc chị Trần Thị L phải trả số tiền gốc và tiền lãi của hai hợp đồng tín dụng là 499.770.730 đồng (*Bốn trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng, bảy trăm ba mươi đồng*), trong đó tiền gốc là 216.845.870 đồng và tiền lãi 282.924.860 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh sau ngày chốt số liệu trên theo lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp chị L không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ số tiền trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay còn lại để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Đối với bị đơn: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị L không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập và Tòa án đã làm các thủ tục tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật cho chị Trần Thị L, đồng thời đã thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng cấp trung ương và cổng thông tin địa tử Tòa án nhân dân ba số liên tiếp về thời gian Tòa án giải quyết vụ án nhưng chị L vẫn vắng mặt không có lý do, do vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- *Về thủ tục tố tụng:* Đại diện VKS nhân dân huyện Nghĩa Đàn nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc chị Trần Thị L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP TV toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và tiền lãi, phí phát sinh tiếp tục tính cho đến khi chị L thanh toán hết nợ cho Ngân hàng theo quy định tại Hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký. Trường hợp chị L không trả hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý, phát mại tài sản thế chấp 01 xe ô tô KIA, biển kiểm soát 37A-363.3... Theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1901141194345 ngày 17/01/2019 ký kết giữa Ngân hàng và chị Trần Thị L. để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

1/ *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần TV– chi nhánh Nghệ An, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền nợ theo hợp đồng tín dụng và phát hành thẻ tín dụng nhằm mục đích vay để tiêu dùng nên xác định đây là tranh chấp dân sự về “Hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng”. Bị đơn chị Trần Thị L có hộ khẩu thường trú tại xóm Quán M, xã Nghĩa Th, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

2/ *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

3/ *Về nội dung vụ án:*

3.1. *Về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng:*

Ngày 25/9/2017 chị Trần Thị L và Ngân hàng thương mại cổ phần TV – chi nhánh Nghệ An ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử và bản điều khoản và

điều kiện về sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng với mức đề nghị là 15.000.000 đồng). Căn cứ vào thu nhập của chị L nên Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho chị với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, mục đích vay mở thẻ là để tiêu dùng cá nhân, biện pháp bảo đảm là tín chấp. Trong quá trình sử dụng thẻ thì chị L và Ngân hàng đã thỏa thuận tăng hạn mức thẻ tín dụng lên 05 lần và lần tăng hạn mức cuối cùng là ngày 18/12/2018 tăng hạn mức lên 100.000.000 đồng. Xét hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/9/2017, Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình ký kết hợp đồng giữa các bên đều trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với các quy định của Luật tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự nên hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng chị Trần Thị L đã rút hết số tiền trong hạn mức nhưng không nộp tiền vào thẻ tín dụng nên vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả nợ và chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 23/10/2019. Do vậy, Ngân hàng có quyền yêu cầu chị L phải thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 29/6/2022, nợ gốc là 99.076.062 đồng và tiền lãi 218.364.686 đồng. Xét yêu cầu của Ngân hàng thấy rằng cách tính lãi của Ngân hàng phù hợp với quy định Luật các tổ chức tín dụng, Bộ luật dân sự và sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng buộc chị Trần Thị L trả nợ tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là có cơ sở chấp nhận.

3.2. Về hợp đồng tín dụng:

Xét hợp đồng tín dụng số: LN1901141194345 ngày 17/01/2019 và khế ước nhận nợ lần 1/số LN1901141194345 ngày 17/01/2019 được ký kết giữa các bên có hình thức và nội dung thỏa thuận phù hợp với các điều 385, 398 của Bộ luật dân sự và các điều 90, 91, 95 và 98 của Luật các tổ chức tín dụng nên hợp đồng đã ký kết giữa các bên là hợp pháp, có hiệu lực phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, tiến hành giải ngân số tiền vay cho chị Trần Thị L đến ngày 18/10/2019 chị Trần Thị L mới trả cho Ngân hàng được số tiền là 36.615.718 đồng (trong đó tiền gốc 27.230.192 đồng và tiền lãi trong hạn 9.385.526 đồng), sau đó không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo đúng kỳ hạn nên đã vi phạm thời hạn trả. Vì vậy, Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị L phải thanh toán toàn bộ số tiền tiền gốc còn lại là 117.769.808 đồng và tiền lãi tính đến ngày 29/6/2022 là lãi trong hạn là 1.350.082 đồng và lãi quá hạn là 54.883.747 đồng, phạt chậm trả 8,376,344 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, chị L còn phải tiếp tục chịu số tiền lãi, phí phát sinh theo các hợp đồng tín dụng kể từ thời điểm đã chốt số liệu ngày 29/6/2022 cho đến khi bên vay/bên thứ ba hoàn tất nghĩa vụ trả nợ hoặc thi hành án xong.

3.3. Về hợp đồng thế chấp:

Theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1901141194345 ngày 17/01/2019 và được công chứng số 277, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/01/2019 tại Văn phòng công chứng Thành An, số 55 Lý Thường Kiệt, phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An ký kết giữa hai bên thì tài sản đảm bảo cho khoản vay là: 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA số khung 51M5HC101741, số máy L4LAGP134026, biển kiểm soát 37A-363.3., giấy đăng ký mang tên Trần Thị L ở xóm Quán M, xã Nghĩa T, Huyện Nghĩa Đàn. Qua xác minh tại địa phương thì chiếc xe trên hiện nay không có tại địa phương và qua xác minh tại Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Nghệ An thì chiếc xe trên chưa được chuyển nhượng cho ai hiện nay giấy đăng ký mang tên chị Trần Thị L. Do vậy, trường hợp chị L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì chị L phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

4/ Về án phí: chị Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng TMCP TV– Chi nhánh Nghệ An số tiền tạm ứng án phí là 10.040.878 đồng do yêu cầu của ngân hàng được chấp nhận.

Về chi phí thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng là 3.000.000 đồng. Ngân hàng thỏa thuận chịu toàn bộ chi phí thông báo trên.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 116, 117, 118, 119, 280, 317, 318, 319, 320, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào điều 90, 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP TV.

Buộc chị Trần Thị L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP TV tổng số tiền

là 182.329.982 đồng (*một trăm tám mươi hai triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn, chín trăm tám mươi hai đồng*) theo hợp đồng tín dụng số: LN1901141194345 ngày 17/01/2019 và 317.440.748 đồng (*ba trăm mười bảy triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm bốn mươi tám đồng*) theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 324-P-1368090 ngày 25/9/2017 được. Tổng cộng 499.770.730 đồng (*Bốn trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm ba mươi đồng*).

Chị Trần Thị L còn tiếp tục chịu số tiền lãi, phí phát sinh theo các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử kể từ thời điểm đã chốt số liệu ngày 29/6/2022 cho đến khi bên vay/ bên thứ ba hoàn tất nghĩa vụ trả nợ hoặc thi hành án xong.

Sau khi chị L trả hết nợ, tất toán hợp đồng thì Ngân hàng TMCP TV có nghĩa vụ trả lại cho chị L giấy đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 37A-363.3., giấy đăng ký mang tên Trần Thị L.

Trường hợp chị L không trả hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA số khung 51M5HC101741, số máy L4LAGP134026, biển kiểm soát 37A-363.3., giấy đăng ký mang tên Trần Thị L ở xóm Quán M, xã Nghĩa T, Huyện Nghĩa Đàn. Theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1901141194345 ngày 17/01/2019 và được công chứng số 277, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/01/2019 tại Văn phòng công chứng Thành An, số 55 Lý Thường Kiệt, phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì chị L phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP TV đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp còn thừa thì Ngân hàng TMCP TV phải trả lại cho chị L.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2/ Về án phí:

Chị Trần Thị L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 23.990.829 đồng (*Hai mươi ba triệu, chín trăm chín mươi nghìn, tám trăm hai mươi chín đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP TV – chi nhánh Nghệ An số tiền là 10.040.878 đồng (*Mười triệu, không trăm bốn mươi nghìn, tám trăm bảy mươi tám đồng*) đã nộp

tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Đàn theo biên lai số 0005601 ngày 29/11/2021.

3/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Nghĩa Đàn;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Đàn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Anh Xuân